

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST

Ngày: 06/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Bùi Thị Kim Liên

Ông: Đinh Ngọc Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hiệp Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh ngày 23/01/1982 tại xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: xóm N, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị N (đã chết); Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Người bị hại:

- Anh: Trương Đức P, Sinh năm: 1977; (đã chết)

Nơi cư trú: Xóm Nhuội, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Anh: Trương Đức Ph, sinh ngày: 15/10/1974 (Xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm Nhuội, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

3. Người làm chứng:

3.1. Anh: Trương Đức D; Sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Nhuội, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

3.2. Chị: Bùi Thị D1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Nhuội, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 05/12/2021 Bùi Văn T một mình điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 28H-4941 đi trên đường liên xã L –Đ theo hướng Lạc Lương – Đa Phúc, khi đi tới đoạn đường thuộc xóm Nhuội, xã Đa Phúc là đoạn đường cong cua về bên trái, tầm nhìn không bị che khuất, không có biển cảnh báo, lúc này Thường điều khiển xe với tốc độ khoảng 40km/h thì quan sát thấy phía trước ngược chiều chuyển động cách xe ô tô do Thường điều khiển khoảng 15m có xe mô tô BKS 28F1-003.10 do anh Trương Đức P điều khiển đi ngược chiều với tốc độ nhanh, thấy tình trạng giao thông như trên T giảm tốc độ để tránh va chạm, tuy nhiên do khoảng cách gần nên xe ô tô của T điều khiển đã đâm, va vào phần đầu xe mô tô do anh Phúc điều khiển dẫn đến tai nạn. Hậu quả anh Trương Đức P bị thương và chết trên đường đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 146/GĐPY-CAT-PC09 ngày 08/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: Nạn nhân Trương Đức P chết do chấn thương sọ não.

Tại bản kết luận giám định số 8850/C09-P4 ngày 14/12/2021 và kết luận giám định số 8857/C09-TT2 ngày 14/12/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Trong mẫu máu của Trương Đức P gửi giám định có Ethanol, nồng độ 287,5mg/100ml máu.

Tại bản kết luận giám định số 9095/C09-P2 ngày 18/01/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận tình trạng kỹ thuật hệ thống phanh, lái, còi của xe ô tô BKS 28H-4941 tại thời điểm trước và sau tai nạn còn tác dụng, Hệ thống lái còn tác dụng đánh lái về hai phía.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01b/KL-HĐĐGTS ngày 28/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Thủy kết luận: Tổng giá trị thiệt hại xe ô tô biển kiểm soát 28F1-003.10, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ,

đen, bạc, xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu năm 2011, bị thiệt hại 4.663.000đ (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng)

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:

- Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đường liên xã Lạc Lương đi xã Đa Phúc thuộc địa phận xóm Nhuội, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình là đoạn đường cong cua về bên trái theo hướng Lạc Lương đi Đa Phúc, mặt đường phẳng, được giải nhựa áp pha. Tại vị trí điểm chạm, mặt đường có chiều rộng là 3,45m. Phần đất lưu không bên phải đường hướng Lạc Lương đi Đa Phúc rộng 1,78m. Đoạn đường xảy ra tai nạn không có biển báo hiệu giao thông.

- Xe ô tô BKS 28H-4941 trước khi xảy ra tai nạn do Bùi Văn T, sinh năm 1982 trú tại xóm Nhuội, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình điều khiển chuyển động hướng xã Lạc Lương đi xã Đa Phúc. Sau khi xảy ra tai nạn xe ô tô đỗ tại mép đường bên phải hướng xã Lạc Lương đi xã Đa Phúc, đầu xe quay về hướng Đa Phúc, đuôi xe quay về hướng Lạc Lương, khoảng cách từ tâm bánh trước bên trái xe ô tô đến mép đường chuẩn là 2,05m, khoảng cách từ tâm bánh sau bên trái xe ô tô đến mép đường chuẩn là 65cm, khoảng cách từ tâm bánh sau, bên trái xe ô tô đến điểm chạm A là 8,05m.

- Xe mô tô BKS 28F1-003.10 trước khi xảy ra tai nạn do Trương Đức P, sinh năm 1977 trú tại xóm Nhuội, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình điều khiển chuyển động hướng Đa Phúc đi Lạc Lương. Sau khi xảy ra tai nạn xe mô tô đổ nghiêng bên trái tại phần đường bên trái theo **hướng** Đa Phúc đi Lạc Lương, đầu xe quay về hướng Đa Phúc, đuôi xe quay về hướng Lạc Lương. Khoảng cách từ tâm bánh trước xe mô tô đến mép đường chuẩn là 40cm, khoảng cách từ tâm bánh **sau** xe mô tô đến mép đường chuẩn là 35cm. Khoảng cách từ tâm lốc máy xe mô tô đến điểm chạm A là 10,18m.

*** Xác định điểm mốc và mép đường chuẩn:**

- Điểm mốc: Lấy góc nhà bên phải, phía trước nhà ông Bùi Văn C, sinh năm 1982, địa chỉ tại xóm Nhuội, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình làm điểm mốc.

- Lấy mép đường bên phải theo hướng xã Lạc Lương đi xã Đa Phúc mép đường chuẩn.

*** Dấu vết:**

- Điểm **chạm** giữa hai phương tiện được xác định nằm trên khoảng không chiều đứng, vuông góc xuống mặt đường ký hiệu A trên sơ đồ hiện trường nằm tại phần đường bên phải theo hướng Đa Phúc đi Lạc Lương, khoảng cách từ A đến mép đường chuẩn là 2m, khoảng cách từ A đến điểm đầu vết số (1) là 1,15m; khoảng cách từ A đến điểm đầu vết số (2) là 4m; khoảng cách từ A đến điểm đầu

vết số (3) là 5,34m; khoảng cách từ A đến đỉnh đầu tử thi ký hiệu số (4) là 5m; khoảng cách từ A đến tâm vết số (5) là 7,03m; khoảng cách từ A đến đầu vết số (6) là 7,54m, khoảng cách từ A đến điểm đầu vết số (7) là 7,77m, khoảng cách từ A đến tâm bánh sau, bên trái xe ô tô BKS 28H-4941 là 8,05m; khoảng cách từ A đến tâm lốp máy xe mô tô là 10,18m.

Trên hiện trường còn ghi nhận các vết: Vết cà trượt ký hiệu số 1, 6, 7; vết mài trượt lốp ký hiệu số 2, 3; tử thi ký hiệu số 4; vùng mảnh nhựa vỡ ký hiệu số 5;

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKS-YT ngày 01/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xem xét đánh giá toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Hình phạt chính: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65. Tuyên phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

+ Hình phạt bổ sung: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề theo khoản 5 điều 260 Bộ luật hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị trả lại 01 Giấy phép lái xe hạng C số 170105000583 mang tên Bùi Văn T, trả lại cho bị cáo Bùi Văn T.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Văn T đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho đại diện người bị hại với tổng số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại là anh Trương Đức Ph đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình truy tố, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Bùi Văn T nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của người bị hại và làm chứng: Xét thấy người đại diện hợp pháp của người bị hại đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; kết luận giám định; lời khai của bị cáo, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Bị cáo Bùi Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có giấy phép lái xe hạng C. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 05/12/2021, Thường điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 28H-4941 lưu thông trên đường liên xã Lạc Lương – Đa Phúc, với tốc độ khoảng 40km/h, khi đi đến đoạn đường cong, cua thuộc xóm Nhuội, xã Đa Phúc, Yên Thủy, Hòa Bình, quan sát thấy phía trước ngược chiều cách khoảng 15m có 01 chiếc xe mô tô đang chuyển động đến theo hướng Đa Phúc – Lạc Lương, chuyển động với tốc độ cao, bị cáo giảm tốc độ để tránh va chạm tuy nhiên do khoảng cách gần, bị cáo không làm chủ được tay lái vì vậy đã va chạm với xe mô tô BKS 28F1-003.10 do anh Trương Đức P điều khiển, vị trí va chạm

trên phần đường của xe mô tô do anh Trương Đức P điều khiển. Hậu quả anh Trương Đức P tử vong, xe mô tô thiệt hại 4.663.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Văn T đã vi phạm các quy định tại khoản 1, điều 17 Luật giao thông đường bộ về quy tắc tránh xe đi ngược chiều; khoản 3 Điều 4; khoản 1, khoản 8 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông đường bộ. Đây là lỗi chính, là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn làm anh Trương Đức P tử vong nên đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 260 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây thiệt hại đến tính mạng của anh Trương Đức P. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân thủ các quy tắc giao thông đường bộ để đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông. Tuy nhiên khi phát hiện có xe đi ngược chiều phía trước bị cáo không xử lý tránh và nhường đường kịp thời, không đảm bảo an toàn dẫn đến xe ô tô do bị cáo điều khiển va chạm với xe mô tô do anh Phúc điều khiển.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét: Lỗi của bị cáo trong vụ án là vô ý, do tự tin trong khi lái xe, không kịp thời tránh xe đi ngược chiều để đảm bảo an toàn. Bị hại cũng có lỗi khi điều khiển xe mô tô với tốc độ cao, không làm chủ được tốc độ, không chú ý quan sát, và sử dụng chất kích thích với nồng độ Ethanol là 287,5mg/100ml máu vì vậy đã vi phạm quy định tại khoản 8, Điều 8 và khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ, dẫn đến hậu quả đáng tiếc, không mong muốn xảy ra, do đó trong vụ án này cũng có phần lỗi của bị hại.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và hỗ trợ mai táng cho gia đình bị hại với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), bị cáo là người dân tộc sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; Trong vụ án người bị hại cũng có lỗi, đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đề

ngiht HĐXX giảm nhẹ TNHS và cho bị cáo hưởng án treo; Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt chính, hình phạt bổ sung:

Về hình phạt chính: Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 65 BLHS. Đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội vừa cải tạo, vừa lao động để phụ giúp gia đình, đi lại, quan tâm, thăm hỏi phía gia đình bị hại.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự, thì bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, thấy rằng bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, trong vụ án người bị hại cũng có lỗi vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại: 01 Xe ô tô biển kiểm soát 28H-4941 và các giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu là bị cáo Bùi Văn T; 01 Xe mô tô biển kiểm soát 28F1-003.10 cho đại diện của chủ sở hữu hợp pháp là ông Trương Đức Ph.

- Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 170105000583 mang tên Bùi Văn T do Sở giao thông vận tải cấp tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/10/2018, giấy phép lái xe có giá trị đến ngày 25/10/2023 là giấy tờ tùy thân của cá nhân bị cáo vì vậy trả lại cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo và gia đình bị hại đại diện là ông Trương Đức Ph đã tự nguyện thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nay bị cáo bồi thường xong. Đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến và yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo bị kết án vì vậy phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 135 và 136 BLTTHS. Bị cáo, đại diện người bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội ‘Vi phạm quy định về tham giao thông đường bộ’.

Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo: Bùi Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tòa án trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 giấy phép lái xe hạng C số 170105000583 mang tên Bùi Văn Thường do Sở giao thông vận tải cấp tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/10/2018, giấy phép lái xe có giá trị đến ngày 25/10/2023

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Yên Thủy;
- CA huyện Yên Thủy;
- THAHS - DS huyện Yên Thủy;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Trung Nghĩa